

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm: 1994; địa chỉ: số nhà 118 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Ông **Võ Văn T**, sinh năm: 1989; địa chỉ: số nhà 328/2 ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung và việc cấp dưỡng: Ông Võ Văn T đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc N quyền trực tiếp nuôi người con chung tên là Võ Thị Ngọc

Th, sinh ngày 05/9/2012, hiện người con đang sống chung với bà N. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N và ông T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chung, bà N và ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung*: bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

- *Về nợ chung*: bà N và ông T trình bày không có nợ chung.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Ngọc N tự nguyện chịu số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001787 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Nga